

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2019/DS-ST

Ngày: 15/11/2019

V/v “*Tranh chấp hợp
đồng mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Khắc Tâm
2. Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Kim- cán bộ Tòa án.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Hộ kinh doanh Nguyễn T.

Địa chỉ: ấp Hải Hưng, xã TL, huyện T, tỉnh Long An .

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn T, sinh năm 1975

Cư trú: ấp Hải Hưng, xã TL, huyện T, tỉnh Long An

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Bé B, sinh năm 1969

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970

Cùng cư trú: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Ông Trà có mặt, ông B và bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của ông Nguyễn T trình bày: Từ ngày 08/4/2017 đến ngày 21/10/2018 vợ chồng ông B, bà L mua phân bón và thuốc trừ

sâu của ông, tổng cộng số tiền 434.005.000đồng, hẹn xong vụ lúa ngày 15/3/2019 trả, nhưng ông B và bà L không trả. Đến ngày 01/7/2019 vợ chồng ông B, bà L trả ông 300.000.000đồng, còn lại 134.005.000đồng ông B hứa ngày hôm sau bán đất trả hết số tiền còn lại, nhưng ông B, bà L không thực hiện. Nay ông yêu cầu ông B, bà L trả 134.005.000đồng.

Đối với bị đơn ông Phạm Văn Bé B và bà Nguyễn Thị L, Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 98/2019/TB-TLVA ngày 30/7/2019 và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/7/2019 lần 01, cũng như Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/8/2019 lần 02, nhưng ông B và bà L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không đến tham gia phiên hòa giải, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Đối với ông Phạm Văn Bé B và bà Nguyễn Thị L, Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-DS ngày 07/10/2019 và niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST-DS ngày 25/10/2019, đồng thời ấn định thời gian xét xử lại ngày 15/11/2019 nhưng ông B, bà L không đến dự phiên tòa và vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[2]Tranh chấp hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp Hộ kinh doanh Nguyễn T với ông Phạm Văn Bé B và bà Nguyễn Thị L là tranh chấp dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2.1]Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn T cung cấp cho Tòa án chứng cứ giấy xác nhận nợ ngày 21/10/2018 của vợ chồng ông Phạm Văn Bé B và bà Nguyễn Thị L, trong giấy nhận nợ có nội dung: “Tôi tên Phạm Văn Bé B cùng vợ Nguyễn Thị L công nhận có thiếu tiền mua phân thuốc của cửa hàng vật tư nông nghiệp T số tiền 434.005.000đồng, số nợ này thiếu từ vụ Đông Xuân năm 2017 đến nay...”. Ngoài ra ông Trà khai ông có bán vật tư nông nghiệp cho vợ chồng ông B, bà L gồm có phân bón gồm DAB, Kali và thuốc trừ sâu từ ngày 08/4/2017 đến tháng 8/2017 nhiều lần, tổng cộng số tiền 434.005.000đồng và vợ

chồng ông B có hẹn sau khi xong vụ sẽ trả hết số tiền nợ và lãi, nhưng ông B và bà L không trả. Đến ngày 01/7/2019 vợ chồng ông Phạm Văn Bé B trả cho ông 300.000.000đồng và hẹn với ông 01 ngày sau khi bán được đất sẽ trả hết số tiền còn nợ lại, nhưng ông B, bà L không thực hiện.

Xét thấy việc hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp giữa Hộ kinh doanh ông Nguyễn T với vợ chồng ông Phạm Văn Bé B và bà Nguyễn Thị L thực hiện từ vụ Đông Xuân năm 2017 tức là từ tháng 4/2017 đến ngày 21/10/2018 ông B cùng với bà L nợ ông Trà, tổng số tiền 434.005.000đồng là phù hợp với giấy xác nhận nợ ông B và bà L ký tên ngày 21/10/2018. Ngoài ra trong giấy nợ ngày 21/10/2018 bên phía vợ chồng ông B, bà L hẹn với ông Trà đến ngày 15/3/2019 âm lịch sẽ thanh toán đủ ông Trà nhưng vợ chồng ông B không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ông Trà.

[2.2] Còn đối với ông Phạm Văn Bé B và bà Nguyễn Thị L, Tòa án tiến hành niêm yết Thông báo về việc kiểm tra, công khai chứng cứ, ý kiến, yêu cầu của các đương sự trong vụ án ngày 16/9/2019, nhưng ông B, bà L vắng mặt và không có văn bản hay ý kiến gì về việc ông Trà yêu cầu trả nợ là đồng nghĩa với việc thời nhận nợ của ông vợ chồng ông B, bà L còn nợ ông Trà số tiền mua vật tư nông nghiệp là 434.005.000đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Trà khai ngày 01/7/2019 ông B và bà L có trả cho ông 300.000.000đồng và còn nợ lại 134.005.000đồng và hẹn lại 01 ngày sau khi bán đất sẽ trả dứt điểm số tiền còn lại, nhưng vợ chồng B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Trà. Do đó tại phiên tòa ông Trà yêu cầu ông B, bà L trả 134.005.000đồng là có căn cứ.

[3] Về lãi suất, trong giấy xác nhận nhận nợ ngày 21/10/2018 của ông B, bà L có ghi số tiền này có cộng lãi suất từ Đông Xuân 2017 đến nay. Tuy nhiên ông B, bà L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến hay văn bản gì về việc tính lãi. Ngoài ra tại phiên tòa ông Trà không yêu cầu ông B và bà L trả lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử buộc ông Phạm Văn Bé B, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho Hộ kinh doanh Nguyễn T số tiền nợ 134.005.000đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông B, bà L có nghĩa vụ trả tiền nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông Trà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại theo quy định pháp luật .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, 440, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện Hộ kinh doanh Nguyễn T.

2. Buộc ông Phạm Văn Bé B, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho Hộ kinh doanh Nguyễn T số tiền nợ 134.005.000 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu không trăm lẻ năm nghìn đồng).

Kể ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Ông Phạm Văn Bé B, bà Nguyễn Thị L phải chịu 6.700.250 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hộ kinh doanh Nguyễn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000503 ngày 26/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Khắc Tâm – Nguyễn Vĩnh Lâm

Nguyễn Văn Hoàng

